

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG

Số 61 E Đường La Thành, Láng thượng, Đống Đa, Hà Nội

Cơ sở 2: Số 198, Nguyễn Tuân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hoàng Minh	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Bảo	Thành viên
Bà Phạm Thị Bích Liên	Thành viên
Ông Trịnh Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên
Ông Vũ Hồng Phong	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Việt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Văn Hùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2017

Số: /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20/05/2017, từ trang 03 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại công ty mẹ, các khoản công nợ phải thu khách hàng của Công ty đã thực hiện đối chiếu là 100,50 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 37,50%), số công nợ còn lại tương ứng chưa được đối chiếu. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán phù hợp để đánh giá. Khoản người mua trả tiền trước (thuyết minh số 6; số 15) đang được trình bày trên khoản mục phải thu khách hàng của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, điều này dẫn đến khoản mục phải thu khách hàng, và khoản người mua trả tiền trước phản ánh chưa đầy đủ khoản tương ứng. Công ty chưa phân loại các khoản vay dài hạn sang khoản mục nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 20). Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

Chi phí lãi vay phát sinh của hợp đồng vay chung cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (thuyết minh số 9 và 11) đang được Công ty vốn hóa vào giá trị tài sản hình thành.

Chúng tôi chưa thu thập được báo cáo tài chính và thư xác nhận vốn góp của công ty liên kết là Công ty CP Lắp máy Cơ giới và xây dựng (số vốn góp của Công ty là 2,7 tỷ VND, tỷ lệ sở hữu 30%), và các Công ty trong khoản mục đầu tư dài hạn khác bao gồm Công ty CP Xi măng Mỹ Đức (số vốn góp của Công ty là 7,2 tỷ VND, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 10%), Công ty CP Sahabak (số vốn góp của Công ty là 3,5 tỷ VND, tỷ lệ sở hữu 5%). Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Trên báo cáo kiểm toán của công ty con là Công ty TNHH MTV Nam Khánh ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề sau: Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư các khoản công nợ phải thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng chưa xác nhận là 7.358.939.488 VND (chiếm 11%). Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, nên chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty;

Đồng thời, trong năm 2016 Công ty đang ghi nhận trước doanh thu của một số hạng mục công trình với giá trị là 6.587.636.559 VND. Các hạng mục công trình này chưa được chủ đầu tư xác nhận giá trị thanh toán khối lượng. Công ty căn cứ trên bảng tạm tính có xác nhận của đơn vị thi công và đơn vị giám sát.

Báo cáo tài chính của một số công ty con, công ty liên kết chưa thực hiện kiểm toán như: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Hải, Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 1, Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 2, Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 4, Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 9. Do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được báo cáo tài chính của công ty liên kết là Công ty Công ty Cổ phần Lắp máy Cơ giới và Xây dựng, do đó chúng tôi không trình bày khoản đầu tư này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2015-156-1

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		599.335.121.675	488.808.505.809
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	30.754.533.835	54.560.210.302
1. Tiền	111		30.754.533.835	54.560.210.302
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		220.695.266.073	147.649.325.808
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	156.276.005.981	71.573.311.175
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	44.748.813.475	46.568.282.669
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	19.670.446.617	29.507.731.964
III. Hàng tồn kho	140	9	336.566.252.406	281.668.385.627
1. Hàng tồn kho	141		336.566.252.406	281.668.385.627
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.319.069.361	4.930.584.072
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		371.721.255	687.411.422
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.947.348.106	4.243.172.650
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		631.055.376.314	699.641.409.024
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.015.661.263	1.329.974.014
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.015.661.263	1.329.974.014
II. Tài sản cố định	220		63.356.382.820	81.274.140.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	62.643.640.420	80.561.398.540
- Nguyên giá	222		135.003.536.772	154.301.752.882
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.359.896.352)	(73.740.354.342)
2. Tài sản cố định vô hình	227		712.742.400	712.742.400
- Nguyên giá	228		712.742.400	712.742.400
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	523.282.856.752	578.483.139.360
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		522.778.468.257	577.280.698.365
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		504.388.495	1.202.440.995
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	29.641.037.076	30.792.161.407
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.941.037.076	18.092.161.407
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.700.000.000	12.700.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.759.438.403	7.761.993.303
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		12.234.862.812	5.800.024.760
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.524.575.591	1.961.968.543
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.230.390.497.989	1.188.449.914.833

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.070.776.790.295	1.037.278.970.216
I. Nợ ngắn hạn	310		687.738.965.142	514.070.443.243
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	259.759.466.763	239.726.689.465
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	71.243.676.794	29.808.260.765
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	11.195.071.241	13.265.154.658
4. Phải trả người lao động	314		4.833.278.994	3.185.425.163
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	69.070.652.523	71.982.296.011
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	3.115.264.837	2.634.068.445
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	24.481.135.142	33.915.947.431
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	227.399.446.497	102.517.973.954
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.640.972.351	17.034.627.351
II. Nợ dài hạn	330		383.037.825.153	523.208.526.973
1. Phải trả người bán dài hạn	331	13	21.447.786.192	19.841.958.097
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	103.670.029.265	135.809.089.479
3. Phải trả dài hạn khác	337	18	87.670.782.807	87.833.043.895
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	169.619.226.889	278.221.567.497
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		630.000.000	1.502.868.005
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		159.613.707.694	151.170.944.617
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	159.613.707.694	151.170.944.617
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		93.397.147.481	93.397.147.481
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.575.175.400	8.575.175.400
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.291.308.468	19.073.938.693
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.615.182.404	17.929.309.734
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.676.126.064	1.144.628.959
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		350.076.345	124.683.043
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.230.390.497.989	1.188.449.914.833

Trần Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2017

Đặng Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Võ Thị Hương Giang
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		564.335.767.012	211.124.792.579
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		564.335.767.012	211.124.792.579
4. Giá vốn hàng bán	11	22	523.624.088.010	196.548.933.705
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		40.711.679.002	14.575.858.874
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.793.167.434	7.548.376.129
7. Chi phí tài chính	22	26	8.460.219.771	8.108.502.617
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.607.056.771	8.108.502.617
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.151.124.331)	153.796.064
9. Chi phí bán hàng	25		881.393.180	463.938.354
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	25.213.175.470	12.599.856.912
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		9.798.933.684	1.105.733.184
12. Thu nhập khác	31		19.753.153.115	3.956.381.328
13. Chi phí khác	32		10.743.273.795	703.627.708
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		9.009.879.320	3.252.753.620
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.808.813.004	4.358.486.804
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	4.141.182.536	3.205.142.299
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(1.961.968.543)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.667.630.468	3.115.313.048
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		14.442.237.166	3.680.229.191
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		225.393.302	(564.916.143)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.814	1.227

Trần Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2017

Đặng Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Võ Thị Hương Giang
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	1	506.889.696.393	193.790.774.985
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(508.888.156.218)	(301.667.276.950)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(26.111.624.901)	(25.225.794.625)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(15.513.633.865)	(16.603.376.744)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(4.747.337.285)	(2.992.679.134)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	43.382.498.274	167.301.522.786
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7	(48.821.245.757)	(64.326.563.594)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(53.809.803.359)	(49.723.393.276)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.687.225.406)	(35.254.614.492)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(155.975.727)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	169.334.385	474.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.133.660.848	(35.410.115.860)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	480.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	292.665.385.799	193.951.487.906
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(277.794.944.060)	(83.977.064.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.870.441.739	110.454.422.954
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(23.805.700.772)	25.320.913.818
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	54.560.210.302	29.239.296.484
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	24.305	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	30.754.533.835	54.560.210.302

Trần Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2017

Đặng Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Võ Thị Hương Giang
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHẮT QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1595/QĐ - BXD ngày 13/12/1999 của Bộ Xây dựng và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000072 lần đầu ngày 09/6/2000, thay đổi lần thứ 13 ngày 25/09/2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 162 người (tại ngày 31/12/2015 là 215 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp đường dây, trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng, trùng tu, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, văn hóa, thể thao; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, xử lý nước thải, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic. Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị, phụ kiện cấp thoát nước;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác;
- Khai thác, xử lý cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn thiết bị, máy móc và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

Trụ sở chính của Công ty: Số 61E, La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Cơ sở 2: Số 198, Nguyễn Tuân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con (*)	Nơi thành lập, hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu xây dựng Hà Hải	Hải Dương	52%	52%	Sản xuất gạch
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nam Khánh	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất, gia công kết cấu thép

Các công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 1.
- Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 2.
- Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 4.
- Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 9.
- Công ty Cổ phần Lắp máy Cơ giới và Xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Công ty có các đơn vị thành viên, hạch toán phụ thuộc gồm:

Đơn vị	Địa điểm văn phòng
1. Trung tâm Tư vấn và thiết kế	Nhà thấp tầng số 8 Chung cư 249A Thụy Khuê, Hà Nội
2. Xí nghiệp KD Dịch vụ và đô thị	61E La Thành, Đống Đa, Hà Nội
3. Xí nghiệp Xây lắp số 2	198 Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội
4. Xí nghiệp Xây lắp số 3	198 Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội
5. Xí nghiệp Xây lắp số 5	P 501 nhà A2 Tập thể Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây lắp, ngõ 85 Hạ Đình, Hà Nội
6. Xí nghiệp Xây lắp số 6	198 Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội
7. Xí nghiệp Xây lắp số 7	198 Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội
8. Xí nghiệp Xây lắp số 8	198 Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội
9. Xí nghiệp Xây lắp Hạ tầng	198 Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội
10. Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	168/75 đường D2, phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội: Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng 1; Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng 2; Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng 4; Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng 9; Công ty Cổ phần Lắp máy Cơ giới và Xây dựng: Là các công ty liên doanh, liên kết của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiếu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua và các chi phí liên quan như chi phí vận chuyển, bốc dỡ,.. chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	20 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ chờ phân bổ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được trích lập các quỹ và phân phối cho các cổ đông theo điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	4.701.187.451	2.036.406.087
Tiền gửi ngân hàng	26.053.346.384	52.523.804.215
Cộng	30.754.533.835	54.560.210.302

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	156.276.005.981	71.573.311.175
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	16.252.601.344	25.208.897.858
Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị	14.180.296.899	13.958.360.844
Tổng Công ty Điện lực dầu khí	4.750.575.954	8.687.339.139
Công ty Keangnam Enterprises,Ltd	11.722.504.206	3.620.022.227
Người mua trả tiền trước của dự án khu tái định cư P11Q6TPHCM (i)	(115.000.000.000)	(115.000.000.000)
Các đối tượng khác	224.370.027.578	135.098.691.107
b) Phải thu của khách hàng - bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 32)	16.252.601.344	74.183.071.152

(i) Khoản người mua trả tiền trước của Dự án khu tái định cư Phường 11, quận 6, TP Hồ Chí Minh đang được trình bày khoản mục phải thu khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	VND		VND	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	44.748.813.475		46.568.282.669	
Công ty TNHH Dệt Hà Nam	20.400.000.000		20.400.000.000	
Các đối tượng khác	24.348.813.475		26.168.282.669	

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	19.670.446.617	-	29.507.731.964	-
- Ký cược, ký quỹ	952.460.176	-	1.213.197.661	-
- Phải thu khác	18.717.986.441	-	28.294.534.303	-
<i>Nguyễn Thị Hoàng Yến</i>	<i>3.000.000.000</i>	-	<i>3.000.000.000</i>	-
<i>Vũ Hoàng Minh</i>	<i>2.555.836.000</i>	-	<i>2.388.125.000</i>	-
<i>Thuê GTGT kê khai nộp cho các công trình chưa quyết toán</i>	-	-	<i>10.486.363.637</i>	-
<i>Ngô Trọng Đại</i>	<i>749.585.074</i>	-	<i>882.911.897</i>	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>12.412.565.367</i>	-	<i>11.537.133.769</i>	-
Cộng	19.670.446.617	-	29.507.731.964	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.504.827.890	-	6.715.490.528	-
Công cụ, dụng cụ	673.722.502	-	1.677.542.706	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	321.843.735.706	-	268.978.212.090	-
Thành phẩm	5.810.477.282	-	3.563.651.277	-
Hàng gửi đi bán	733.489.026	-	733.489.026	-
Cộng	336.566.252.406	-	281.668.385.627	-

(i) *Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình như sau:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khu tái định cư P11Q6 TPHCM	222.369.171.629	188.384.281.638
Dự án Vĩnh Lộc B giai đoạn 2	18.615.910.884	19.702.304.455
Công trình N04A Ngoại Giao Đoàn	18.382.850.707	-
Bảo hiểm tiền gửi	8.367.609.398	8.859.526.723
NM Thuốc lá Thăng Long gói 7	6.763.100.115	-
Các công trình khác	47.345.092.973	52.032.099.274
Cộng	321.843.735.706	268.978.212.090

Tại Công ty mẹ: Trong năm, chi phí lãi vay chung cho hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn với số tiền là 6.904.310.020 VND (Năm 2015 là 1.194.805.811 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	93.429.958.208	28.303.667.010	16.380.620.793	962.081.906	15.225.424.965	154.301.752.882
Tăng do mua sắm mới	-	2.000.052.500	104.770.000	94.338.925	29.500.000	2.228.661.425
Thanh lý, nhượng bán	(15.034.749.104)	-	(6.492.128.431)	-	-	(21.526.877.535)
Số cuối năm	78.395.209.104	30.303.719.510	9.993.262.362	1.056.420.831	15.254.924.965	135.003.536.772
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	35.720.247.918	13.997.732.404	13.550.955.142	940.355.933	9.531.062.945	73.740.354.342
Khấu hao trong năm	4.184.095.353	4.463.442.835	974.879.200	10.286.438	-	9.632.703.826
Thanh lý, nhượng bán	(4.521.033.385)	-	(6.492.128.431)	-	-	(11.013.161.816)
Số cuối năm	35.383.309.886	18.461.175.239	8.033.705.911	950.642.371	9.531.062.945	72.359.896.352
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	57.709.710.290	14.305.934.606	2.829.665.651	21.725.973	5.694.362.020	80.561.398.540
Số cuối năm	43.011.899.218	11.842.544.271	1.959.556.451	105.778.460	5.723.862.020	62.643.640.420

Tại ngày 31/12/2016, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 12.728.960.766 VND (tại ngày 01/01/2016 là 15.504.606.597 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2016 là 19.863.893.808 VND (tại ngày 01/01/2016 là 32.536.551.126 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Ngoại Giao Đoàn	37.841.914.681	-	181.207.210.010	-
Dự án Xuân Hoà Vĩnh Phúc	157.937.264.311	-	151.616.764.570	-
Khu dân cư Phước An 30ha	71.571.302.336	-	70.262.127.306	-
Dự án Định công	141.535.347.247	-	64.631.069.720	-
Dự án Nguyễn Văn Trỗi	45.216.252.624	-	41.457.651.874	-
Dự án CC2 Linh Đàm	31.206.308.935	-	31.193.569.023	-
Dự án Pháp Vân	24.981.845.439	-	24.872.437.017	-
Dự án Long Tân	4.487.533.798	-	4.080.340.078	-
Dự án Cầu Giấy	3.854.263.039	-	3.934.058.039	-
Các dự án khác	4.146.435.847	-	4.025.470.728	-
Cộng	522.778.468.257	-	577.280.698.365	-

Error! Not a valid link.

Trong năm, chi phí lãi vay chung cho hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn với số tiền là 9.741.683.722 VND (Năm 2015 là 11.655.194.189 VND).

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
b) Xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm TSCĐ	556.600	698.609.100
XDCB dở dang	503.831.895	369.497.895
Chi phí giải phóng mặt bằng	-	134.334.000
Cộng	504.388.495	1.202.440.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
<i>- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	16.941.037.076	-	16.941.037.076	18.092.161.407	-	18.092.161.407
Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng 1	5.310.000.000	-	5.310.000.000	5.310.000.000	-	5.310.000.000
Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng 2	4.312.500.000	-	4.312.500.000	4.312.500.000	-	4.312.500.000
Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng 4	3.402.000.000	-	3.402.000.000	3.402.000.000	-	3.402.000.000
Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng 9	1.800.000.000	-	1.800.000.000	1.800.000.000	-	1.800.000.000
Công ty CP Lắp máy Cơ giới và Xây dựng (i)	2.700.000.000	-	2.700.000.000	2.700.000.000	-	2.700.000.000
<i>Giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ</i>	<i>(583.462.924)</i>	-	<i>(583.462.924)</i>	<i>567.661.407</i>	-	<i>567.661.407</i>
<i>- Đầu tư vào đơn vị khác</i>	12.700.000.000	-	12.700.000.000	12.700.000.000	-	12.700.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cát Tường	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Đầu tư góp vốn cùng Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	7.200.000.000	-	7.200.000.000	7.200.000.000	-	7.200.000.000
- đầu tư vào Công ty CP Xi măng Mỹ Đức (ii)						
Đầu tư góp vốn cùng Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000
- đầu tư vào Công ty CP Sahabak (ii)						
Cộng	29.641.037.076	-	29.641.037.076	30.792.161.407	-	30.792.161.407

Error! Not a valid link.

Ghi chú:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty CP Lắp máy Cơ giới và Xây dựng được trình bày theo phương pháp giá gốc, do chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.
- (ii) Là khoản đầu tư góp vốn thông qua Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội để đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức và Công ty Cổ phần Sahabak.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 1	Hà Nội	30,00%	< 50%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 2	Hà Nội	21,60%	< 50%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 4	Hà Nội	22,70%	< 50%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 9	Hà Nội	25,70%	< 50%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy Cơ giới và Xây dựng	Hà Nội	30%	< 50%	Xây lắp

Đầu tư dài hạn khác	Nơi thành lập	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cát Tường	Hồ Chí Minh	6,70%	< 20%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	Hà Tây	10%	< 20%	Sản xuất xi măng
Công ty Cổ phần Sahabak	Bắc Kạn	5%	< 20%	Sản xuất, chế biến gỗ

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	371.721.255	687.411.422
Chi phí công cụ dụng cụ	180.565.196	496.255.363
Chi phí thuê nhà	60.000.000	60.000.000
Chi phí khác	131.156.059	131.156.059
b) Dài hạn	12.234.862.812	5.800.024.760
Chi phí công cụ dụng cụ	11.741.886.695	4.122.119.067
Các chi phí chờ phân bổ khác	492.976.117	1.677.905.693
Cộng	<u>12.606.584.067</u>	<u>6.487.436.182</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	259.759.466.763	259.759.466.763	239.726.689.465	239.726.689.465
Công ty Cổ phần lắp máy điện nước và Xây dựng 2	15.039.727.131	15.039.727.131	30.013.554.492	30.013.554.492
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Cát tường	27.643.375.437	27.643.375.437	27.481.636.025	27.481.636.025
Công ty Cổ phần lắp máy điện nước và Xây dựng 4	21.783.735.080	21.783.735.080	14.932.653.882	14.932.653.882
Công ty Cổ phần lắp máy điện nước và Xây dựng 9	4.275.758.484	4.275.758.484	8.578.507.216	8.578.507.216
Các đối tượng khác	191.016.870.631	191.016.870.631	158.720.337.850	158.720.337.850
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	21.447.786.192	21.447.786.192	19.841.958.097	19.841.958.097
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Cát tường	7.365.656.896	7.365.656.896	7.365.656.896	7.365.656.896
Công ty Cổ phần lắp máy điện nước và Xây dựng 2	2.551.787.205	2.551.787.205	2.677.952.310	2.677.952.310
Các đối tượng khác	11.530.342.091	11.530.342.091	9.798.348.891	9.798.348.891
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 32)	49.121.088.799	49.121.088.799	56.202.667.900	56.202.667.900

Error! Not a valid link.

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	71.243.676.794	29.808.260.765
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	10.348.021.006	8.839.918.452
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	26.552.641.000	443.316.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	20.985.806.619	-
Các đối tượng khác	13.357.208.169	20.525.026.313
b) Người mua trả tiền trước - bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 32)	27.162.972.000	1.079.937.321

Khoản người mua trả tiền trước của dự án khu tái định cư P11Q6TPHCM không được trình bày tại thuyết minh này mà được bù trừ với khoản phải thu khách hàng với số tiền 115.350.000.0000 VND.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5.927.291.650	2.327.813.418	2.656.388.633	5.598.716.435
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.249.896.921	3.753.243.636	4.747.337.285	3.255.803.272
Thuế thu nhập cá nhân	748.903.015	678.387.880	268.964.359	1.158.326.536
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.190.092.880	1.951.382.744	2.185.330.640	956.144.984
Các loại thuế khác	435.372.066	5.623.345.678	6.058.717.744	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	713.598.126	14.509.142	502.027.254	226.080.014
Cộng	13.265.154.658	14.348.682.498	16.418.765.915	11.195.071.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
Dự án Long thọ 150ha	45.408.841.931	46.047.795.943
Dự án Tây Hồ - Lô E	17.861.574.880	19.188.892.294
Dự án Tòa nhà N01-T3 Đoàn ngoại giao -P.Hoàn thiện	4.581.564.055	-
Dự án Nhà đa năng công trình FLC Bình Định	1.128.262.565	-
Các công trình khác	90.409.092	6.745.607.774
Cộng	69.070.652.523	71.982.296.011

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.115.264.837	2.634.068.445
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.550.111.672	1.918.156.882
Doanh thu khác	1.565.153.165	715.911.563
b) Dài hạn	103.670.029.265	135.809.089.479
Dự án Ngoại giao đoàn	58.479.471.800	93.038.620.477
Dự án Long Thọ 30ha	15.273.290.221	14.891.967.612
Dự án Cầu Giấy	12.052.943.817	12.052.943.817
Dự án Xuân Đình	7.335.822.728	7.335.822.728
Dự án Xuân Hoà VP	6.287.847.973	4.249.082.119
Dự án Nhân chính	3.591.490.908	3.591.490.908
Dự án Long Thọ 150ha	649.161.818	649.161.818

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Error! Not a valid link.Error! Not a valid link.

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)

Ghi chú: (i) Khoản nhận đầu tư hợp tác kinh doanh của các tổ chức và cá nhân thực hiện các dự án của Văn phòng Công ty bao gồm: Dự án lô A-CN2 Định Công, Dự án Ngoại giao đoàn, Dự án Nguyễn Văn Trỗi, Dự án Pháp Vân. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác đầu tư này cam kết phân chia lợi nhuận từ khoản đầu tư sau khi kết thúc dự án.

Số dư tại ngày 31/12/2016 là 80.811.012.880 VND. Chi tiết các đối tượng:

Error! Not a valid link. Not a valid link.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC VÀ XÂY DỰNGSố 61 E Đường La Thành, Láng thượng, Đống Đa, Hà Nội
Cơ sở 2: Số 198, Nguyễn Tuân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội**MẪU B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****a) Vay và nợ ngắn hạn**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay các tổ chức tín dụng, công ty	60.810.237.698	60.810.237.698	69.901.334.958	161.797.333.625	152.706.236.365	152.706.236.365
Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Hà Nội (i)	57.610.237.698	57.610.237.698	66.487.984.958	141.912.136.050	133.034.388.790	133.034.388.790
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình (ii)	-	-	2.913.350.000	19.885.197.575	16.971.847.575	16.971.847.575
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và PT Hồng Hà (iii)	3.200.000.000	3.200.000.000	500.000.000	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Vay cá nhân	41.707.736.256	41.707.736.256	15.455.724.894	48.441.198.770	74.693.210.132	74.693.210.132
Vay cá nhân tính lãi (iv)	32.172.350.112	32.172.350.112	8.200.203.694	20.125.138.929	44.097.285.347	44.097.285.347
Vay cá nhân không tính lãi (v)	9.535.386.144	9.535.386.144	7.255.521.200	28.316.059.841	30.595.924.785	30.595.924.785
Cộng	102.517.973.954	102.517.973.954	85.357.059.852	210.238.532.395	227.399.446.497	227.399.446.497

b) Vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm (Trình bày lại)		Trong kỳ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn tổ chức tín dụng	175.980.115.068	175.980.115.068	183.766.253.568	73.888.434.010	66.102.295.510	66.102.295.510
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình (i)	-	-	-	53.204.434.010	53.204.434.010	53.204.434.010
Ngân hàng NN & PT NT - CN Thành Đông- Hải Dương	-	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Hà Nội	122.326.993.568	122.326.993.568	122.326.993.568	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Đông	48.592.180.000	48.592.180.000	61.276.180.000	12.684.000.000	-	-
Công ty in Thương mại và Dịch vụ Ngân Hàng (ii)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay VIB Lý Thường Kiệt (iii)	746.941.500	746.941.500	163.080.000	-	583.861.500	583.861.500
HTX Dịch vụ hỗ trợ vận tải Phương Nam	2.314.000.000	2.314.000.000	-	-	2.314.000.000	2.314.000.000
Vay dài hạn cá nhân	102.241.452.429	102.241.452.429	8.671.630.640	9.947.109.590	103.516.931.379	103.516.931.379
Vay cá nhân có tính lãi (iv)	84.962.303.120	84.962.303.120	3.002.895.764	6.418.785.590	88.378.192.946	88.378.192.946
Vay cá nhân không tính lãi (v)	17.279.149.309	17.279.149.309	5.668.734.876	3.528.324.000	15.138.738.433	15.138.738.433
Cộng	278.221.567.497	278.221.567.497	192.437.884.208	83.835.543.600	169.619.226.889	169.619.226.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:***

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/134626/HĐTD ngày 11/07/2016. Hạn mức tín dụng là 275.000.000.000 VND, dư nợ ngắn hạn tối đa là 175.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 30/06/2017. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất thông báo của ngân hàng tại thời điểm giải ngân từng lần và được điều chỉnh lãi suất đột xuất theo biến động lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Trong năm 2016, lãi suất áp dụng cho khoản vay này dao động từ 6,5% - 10%/năm tùy theo thời hạn vay của từng món vay. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản bảo đảm tiền vay bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, các khoản phải thu và tài sản luân chuyển trong quá trình kinh doanh.
- (ii) Hợp đồng tín dụng số 167/IVBMD - HDHM/2016 ngày 24/10/2016 với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình. Hạn mức 10.000.000.000 VND. Lãi suất 9,5%/năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động của bên vay. Thời gian vay không quá 270 ngày kể từ ngày vay. Tài sản đảm bảo là diện tích tầng 1 và tầng lửng tại ô số A104 thuộc dự án ở chung cư lô C khu đô thị Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy.
- Phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng (hợp đồng hạn mức tín dụng số 167/IVBMD-HĐHM/2016) ngày 27 tháng 12 năm 2016. Thời hạn đến ngày 27 tháng 12 năm 2017. Món vay tối đa không quá 270 ngày cho mỗi giấy cam kết nhận nợ. Hạn mức là 48 tỷ đồng. Khoản tín dụng sẽ được sử dụng để tài trợ cho nhu cầu vốn bổ sung vốn lưu động của bên vay. Tài sản đảm bảo được bảo lãnh là các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty mẹ.
- (iii) Hợp đồng vay ngắn hạn số 224/HĐVV ngày 19/12/2014 với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và phát triển Hồng Hà, thời hạn vay từ ngày 19/12/2014 đến ngày 31/12/2015, phụ lục hợp đồng gia hạn số 74A/PLHHVV ngày 19/09/2015 gia hạn vay từ ngày 31/12/2015 đến 31/12/2017, và Hợp đồng vay vốn số 11/HĐVV ngày 11/02/2015, thời hạn vay đến hết 31/12/2015, phụ lục hợp đồng gia hạn số 73A/PLHHVV ngày 19/09/2015 gia hạn vay từ ngày 31/12/2015 đến 31/12/2017. Lãi suất cho vay các hợp đồng 0%/năm.
- Hợp đồng vay ngắn hạn số 212/HĐVV ngày 08/12/2014 với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và phát triển Hồng Hà, tổng số tiền vay là 9.750.000.000 VND, lãi suất cho vay 0,75%/tháng, thời hạn vay từ ngày 08/12/2014 đến ngày 08/06/2015.
- (iv) Vay cá nhân có tính lãi thể hiện các khoản vay đối tượng trong và ngoài Công ty. Thời hạn các khoản vay dưới 12 tháng và được gia hạn 6 tháng 1 lần sau khi đến hạn thanh toán. Lãi suất quy định cụ thể tại từng hợp đồng vay, lãi suất vay cá nhân trong năm 2016 phổ biến ở mức 6,5% - 10%/năm đối với khoản vay VND, lãi trả khi đáo hạn.
- (v) Vay cá nhân không tính lãi là khoản vay cá nhân thời hạn dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:*

(i) Hợp đồng tín dụng số 06/IVBMD-HĐTH/2016 ngày 27/04/2016 với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình. Hạn mức 130.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức: 30 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất 9.5%/năm, thời gian ân hạn lãi 15 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay là để đầu tư tòa nhà hỗn hợp An Bình lô đất A-CN2, khu đô thị mới Định Công. Tài sản đảm bảo là một phần tài sản gắn liền với đất sẽ được hình thành trong tương lai được ngân hàng tài trợ bao gồm 4 tầng dành cho văn phòng và dịch vụ công cộng, nhà trẻ (từ tầng 1 đến tầng 4), 11 tầng căn hộ chung cư (từ tầng 9 đến tầng 11) công trình tòa nhà hỗn hợp An Bình và quyền sử dụng đất địa chỉ khu đô thị mới Định công , phường Định Công , quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

Hợp đồng tín dụng số 164/IVBMD-HĐTH/2016 ngày 22 tháng 08 năm 2016. Khoản vay hạn mức 800.000.000 VND. Thời hạn vay 3 năm tính từ lần giải ngân đầu tiên. Mục đích vay dùng để mua bộ Vận thăng. Tài sản đảm bảo là tài sản mua.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0907/HĐHTKD ngày 09/07/2004 với Công ty In - Thương mại Dịch vụ Ngân hàng để đầu tư xây dựng và kinh doanh bán nhà chung cư, khai thác các loại hình dịch vụ ở lô đất D5 có diện tích là 5844 m2. Lợi nhuận sau đầu tư và kinh doanh được chia theo tỷ lệ 50/50 của mỗi bên sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

(iii) Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô tiêu dùng/ kinh doanh số 666.TTBMB.HĐTD-VIB07.2015 ngày 14 tháng 8 năm 2015. Khoản vay có giá trị là 815.000.000 VND. Thời hạn của khoản vay là 60 tháng tính từ ngày khoản vay được giải ngân. Mục đích vay là mua xe ô tô con, 05 chỗ ngồi toyota Camry Q, màu nâu vàng, mới 100%. Tài sản đảm bảo là tài sản mua.

(iv) Khoản vay cá nhân tính lãi là các hợp đồng hợp tác đầu tư dài hạn của các cá nhân đầu tư góp vốn xây dựng Dự án 118 Nguyễn Văn Trỗi, Dự án Xuân Hòa, Dự án Định Công (Văn phòng Công ty) với số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2016 là 87.440.847.946 VND; và khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Văn phòng với số tiền là 937.345.000 VND. Các khoản vay này có lãi suất dao động từ 9,5% - 14%/năm theo quy định tại từng hợp đồng vay vốn cụ thể. Các khoản vay này đều không có tài sản bảo đảm.

(v) Khoản vay cá nhân không tính lãi là khoản vay dài hạn cá nhân với thời hạn trên 12 tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	21.434.046.380	156.358.809.889
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	148.185.180.509	121.905.945.715
Sau năm năm	-	-
Cộng	<u>169.619.226.889</u>	<u>278.264.755.604</u>

Tại ngày 31/12/2016, Công ty chưa phân loại các khoản vay dài hạn sang khoản mục nợ dài hạn đến hạn trả cho khoản nợ vay phải trả trong vòng 1 năm với số tiền là 21.434.046.380 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số tại ngày đầu năm trước	30.000.000.000	93.397.147.481	8.575.175.400	14.796.493.447	2.550.153.247	149.318.969.575
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.454.756.188	(564.916.143)	889.840.045
Giảm do BB thuế tại Hà Hải	-	-	-	(2.535.600.233)	(2.340.554.061)	(4.876.154.294)
Tăng vốn tại Hà Hải	-	-	-	-	480.000.000	480.000.000
Tăng khác	-	-	-	3.247.844.885	-	3.247.844.885
Số tại ngày cuối năm trước	30.000.000.000	93.397.147.481	8.575.175.400	16.963.494.287	124.683.043	149.060.500.211
<i>Trình bày lại</i>	-	-	-	<i>2.110.444.406</i>	-	<i>2.110.444.406</i>
Số tại ngày đầu năm	30.000.000.000	93.397.147.481	8.575.175.400	19.073.938.693	124.683.043	151.170.944.617
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	14.442.237.166	225.393.302	14.667.630.468
Giảm khác	-	-	-	(6.224.867.391)	-	(6.224.867.391)
Số tại ngày cuối năm	30.000.000.000	93.397.147.481	8.575.175.400	27.291.308.468	350.076.345	159.613.707.694

b) Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Tên cổ đông	Vốn đã góp					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ %	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	900.000	9.000.000.000	30%	900.000	9.000.000.000	30%
Vũ Hồng Minh	270.000	2.700.000.000	9%	270.000	2.700.000.000	9%
Vốn góp của Cổ đông khác	1.830.000	18.300.000.000	61%	1.830.000	18.300.000.000	61%
Tổng cộng	3.000.000	30.000.000.000	100%	3.000.000	30.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b) Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông		
- Số cổ phiếu được phép phát hành	3.000.000	3.000.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	3.000.000	3.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000 đồng/CP
- Số cổ phiếu đang lưu hành ở thời điểm cuối năm	3.000.000	3.000.000 cổ phiếu

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. USD	79,02	90,02

23. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	564.335.767.012	211.124.792.579
Doanh thu hợp đồng xây dựng	151.810.074.481	176.528.154.345
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ khác	412.525.692.531	34.596.638.234
a) Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	564.335.767.012	211.124.792.579
b) Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ - bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 32)	9.251.504.608	9.920.447.819

24. GIÁ VỐN BÁN HÀNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	144.594.442.100	167.695.706.823
Giá vốn cung cấp hàng hóa và dịch vụ khác	379.029.645.910	28.853.226.882
Cộng	523.624.088.010	196.548.933.705

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	167.919.646.019	107.183.741.839
Chi phí nhân công	33.688.774.557	31.172.882.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.548.461.633	8.651.269.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.334.612.617	126.061.999.216
Chi phí khác bằng tiền	16.510.212.675	7.082.249.500
Cộng	460.001.707.501	280.152.142.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.189.192.716	7.437.674.509
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	110.701.620
Doanh thu hoạt động tài chính khác	603.974.718	-
Cộng	<u>4.793.167.434</u>	<u>7.548.376.129</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.607.056.771	8.108.502.617
Lãi chậm trả	1.853.163.000	-
Cộng	<u>8.460.219.771</u>	<u>8.108.502.617</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	11.934.649.759	5.504.333.080
Chi phí đồ dùng văn phòng	248.547.655	120.506.728
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.334.097.801	5.393.656.198
Các khoản chi phí QLDN khác	7.695.880.255	1.581.360.906
Cộng	<u>25.213.175.470</u>	<u>12.599.856.912</u>

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.141.182.536	3.205.142.299

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.442.237.166	1.454.756.188
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.814	485
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phân vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31/12/2016, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	397.018.673.386	380.739.541.451
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	30.754.533.835	54.560.210.302
Nợ thuần	366.264.139.551	326.179.331.149
Vốn chủ sở hữu	159.613.707.694	151.170.944.617
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>2,29</u>	<u>2,16</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.754.533.835	54.560.210.302
Phải thu khách hàng và phải thu khác	175.740.047.970	101.197.819.492
Đầu tư tài chính dài hạn	29.641.037.076	30.792.161.407
Các khoản ký quỹ	952.460.176	1.213.197.661
Cộng	<u>237.088.079.057</u>	<u>187.763.388.862</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	397.018.673.386	380.739.541.451
Phải trả người bán và phải trả khác	393.359.170.904	381.317.638.888
Chi phí phải trả	69.070.652.523	71.982.296.011
Cộng	<u>859.448.496.813</u>	<u>834.039.476.350</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của Nợ phải trả tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.754.533.835	-	-	30.754.533.835
Phải thu khách hàng và phải thu khác	174.724.386.707	1.015.661.263	-	175.740.047.970
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	29.641.037.076	29.641.037.076
Các khoản ký quỹ	952.460.176	-	-	952.460.176
Tổng cộng	206.431.380.718	1.015.661.263	29.641.037.076	237.088.079.057
Tại ngày 31/12/2016				
Các khoản vay	227.399.446.497	169.619.226.889	-	397.018.673.386
Phải trả người bán và phải trả khác	284.240.601.905	109.118.568.999	-	393.359.170.904
Chi phí phải trả	69.070.652.523	-	-	69.070.652.523
Tổng cộng	580.710.700.925	278.737.795.888	-	859.448.496.813
Chênh lệch thanh khoản thuần	(374.279.320.207)	(277.722.134.625)	29.641.037.076	(622.360.417.756)
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.560.210.302	-	-	54.560.210.302
Phải thu khách hàng và phải thu khác	99.867.845.478	1.329.974.014	-	101.197.819.492
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	30.792.161.407	30.792.161.407
Các khoản ký quỹ	1.213.197.661	-	-	1.213.197.661
Tổng cộng	155.641.253.441	1.329.974.014	30.792.161.407	187.763.388.862
Tại ngày 01/01/2016				
Các khoản vay	102.517.973.954	278.221.567.497	-	380.739.541.451
Phải trả người bán và phải trả khác	273.642.636.896	107.675.001.992	-	381.317.638.888
Chi phí phải trả	71.982.296.011	-	-	71.982.296.011
Tổng cộng	448.142.906.861	385.896.569.489	-	834.039.476.350
Chênh lệch thanh khoản thuần	(292.501.653.420)	(384.566.595.475)	30.792.161.407	(646.276.087.488)

Tại ngày 31/12/2016, mức chênh lệch thanh khoản ròng của Công ty bị âm 374.235.273.270 VND chủ yếu do các khoản công nợ phải trả người bán và phải trả khác. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng vấn đề này Công ty nhận biết và kiểm soát được rủi ro, Ban Tổng Giám đốc nhận biết căn cứ vào khả năng thanh toán hiện hành, khả năng tạo dòng tiền từ hoạt động kinh doanh do vòng quay thu nợ nhanh, khả năng tạo tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn tốt. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng 1
 Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng 2
 Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng 4
 Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng 9
 Công ty CP Lắp máy Cơ giới và Xây dựng
 Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Cổ đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Error! Not a valid link.

Số dư với các bên liên quan

Error! Not a valid link.

Error! Not a valid link.

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Error! Not a valid link.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số trên báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán. Một số số liệu của năm báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố lại theo Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế của Cục thuế TP.Hà Nội số 66232/QĐ-CT-KTT6 ngày 25/10/2016 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Cụ thể như sau:

Error! Not a valid link.

Ghi chú:

1. Thay đổi chủ yếu do xử lý các khoản công nợ không còn nghĩa vụ phải trả;
2. Thay đổi do xác định nghĩa vụ phải thu các đơn vị, cá nhân đối với các khoản tồn thất sau thanh tra thuế;
3. Chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thay đổi do việc xác định lại các khoản chi phí theo Biên bản thanh tra thuế làm cho các khoản chi phí
4. Giảm thuế GTGT được khấu trừ không đủ điều kiện;
5. Thay đổi do xác định thêm phần doanh thu từ các khoản người mua trả tiền trước;
6. Do thay đổi các khoản mục chi phí, xác định lại kết quả kinh doanh, xác định lại nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp;
7. Thay đổi do xác định nghĩa vụ phải thu của cá nhân đơn vị, cá nhân đối với các khoản tồn thất sau thanh tra thuế, Công ty thực hiện bù trừ vào khoản phải trả về vay đối với cá nhân đó;

Trần Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2017

Đặng Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Võ Thị Hương Giang
Người lập biểu